

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1211/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31 -8- 2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ M**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố M tham gia phiên Tòa:
Ông Nguyễn Quang Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 622/2022/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 189/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lạc Phát D, sinh năm 1983

Địa chỉ: 26/6N V, xã Đ, huyện H, Thành phố M (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: 26/6N V, xã Đ, huyện H, Thành phố M (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Lạc Phát Đạt trình bày:

Ông và bà Lê Thị T tự nguyện kết hôn năm 2016, Giấy chứng nhận kết hôn số 168/2016, do Ủy ban nhân phường 13, quận X, Thành phố M cấp ngày 04/10/2016. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Bà T thường gây ra nợ nần và còn có người khác bên ngoài. Mặc dù ông đã cố gắng tìm cách hàn gắn cuộc sống vợ chồng nhưng không có kết quả, ông và bà T đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lạc Kim N, sinh ngày 11/12/2017. Khi ly hôn ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì hiện nay ông là người chăm sóc nuôi dưỡng con chung, bà T hoàn toàn không lo lắng đến con cái, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D khai không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nhưng bà T không đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp, ông D có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa:

Ông Lạc Phát D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Lê Thị T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa. Các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Lạc Phát D yêu cầu ly hôn bà Lê Thị T; bà T tạm trú tại huyện H, Thành phố M. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố M.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: bà Lê Thị T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Ông Lạc Phát D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 168/2016 do Ủy ban nhân dân Phường 13, quận X, thành phố M cấp ngày 04/10/2016 thì có cơ sở xác

định quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà T là hợp pháp. Nay ông D yêu cầu được ly hôn vì quá trình chung sống không hạnh phúc, ông và bà T đã ly thân từ đầu năm 2022.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau, tuy nhiên từ đầu năm 2022 hai bên đã sống ly thân, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, theo lời trình bày của ông D thì bà T đã không còn quan tâm đến gia đình, con cái, bên cạnh đó từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử bà T không đến Tòa án để tự khai, hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc ông D xin ly hôn, chứng tỏ bà T không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của ông D là được ly hôn với bà T.

[2.2] Về con chung: Theo lời trình bày của ông D thì quá trình chung sống ông và bà T có 01 con chung tên Lạc Kim N, sinh ngày 11/12/2017. Xét trẻ N hiện đang sinh sống cùng ông D, ông D đã nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh đủ điều kiện trực tiếp nuôi con nên việc ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp, không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của trẻ. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Lê Thị T do ông D không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này bà Lê Thị T có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3] Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Lạc Phát D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lạc Phát D.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lạc Phát D được ly hôn với bà Lê Thị T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lạc Kim N, sinh ngày 11/12/2017. Giao trẻ Lạc Kim N cho ông Lạc Phát D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà Lê Thị T do ông D không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông D cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84 luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông D khai không có nên không xem xét. Nếu sau này bà Lê Thị T có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí: Ông Lạc Phát D phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031170 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận X, Thành phố M.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện H, TP. HCM;
- Chi cục THADS huyện H, TP. HCM;
- UBND phường 13, quận X;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Oanh